

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
VÀ HẠ TẦNG MẠNG THÔNG TIN DI ĐỘNG  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

**Đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG  
MẠNG THÔNG TIN DI ĐỘNG**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ - P. Thành Công  
Q. Ba Đình - TP. Hà Nội

---

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 5
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	6 - 7
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	8 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14-28
Phụ lục số 01: Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình	27
Phụ lục số 02: Chi tiết tăng giảm vốn chủ sở hữu	28



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG  
MẠNG THÔNG TIN DI ĐỘNG**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ - P. Thành Công  
Q. Ba Đình - TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021688 ngày 28 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi. Chi tiết: Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động; Dịch vụ tối ưu hóa mạng viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông;
- Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng cháy chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống báo cháy, phòng cháy chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Lắp đặt các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin; Dịch vụ lắp đặt, di chuyển, nâng cấp, đo kiểm, bảo dưỡng trạm BTS;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại. Chi tiết: Xuất nhập khẩu thiết bị viễn thông, tin học, các thiết bị văn phòng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo, hướng nghiệp dạy nghề trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tin học, bưu chính viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, tin học, bưu chính viễn thông; Dịch vụ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực viễn thông;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất vật tư, máy móc thiết bị tin học;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm phần mềm tin học;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập, quản lý các dự án đầu tư các công trình bưu chính viễn thông, giao thông, dân dụng; Giám sát thi công xây dựng: loại công trình giao thông cầu, đường bộ; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế công trình đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Buôn bán các thiết bị văn phòng;

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG MẠNG THÔNG TIN DI ĐỘNG

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ - P. Thành Công Q. Ba Đình - TP. Hà Nội

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp các công trình điện đến 35KV; Xây dựng các công trình viễn thông, cột cao an ten;
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác. Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ thư ký;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng Việt Nam) chia thành 5.000.000 cổ phần.

Các chi nhánh của Công ty:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Mobitechs Cần Thơ - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động	49, Cách mạng tháng tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động tại Hải Phòng	Phòng 290 tầng 2 Tòa nhà thương mại Sholega – số 275 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
3	Chi nhánh Mobitechs Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động	Tầng 3 – Lô 6 đường số 1 KCN Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
4	Chi nhánh Mobitechs TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động	Lầu 6, Tòa nhà Scetpa, 19A Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
5	Chi nhánh Mobitechs Đồng Nai - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động	Phòng R308, Tòa nhà Trung tâm dịch vụ AMATA – Khu thương mại AMATA, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG  
MẠNG THÔNG TIN DI ĐỘNG**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ - P. Thành Công  
Q. Ba Đình - TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Đỗ Thị Hiền chức danh Tổng Giám đốc, sinh ngày 21/12/1972. Chứng minh thư nhân dân số 012511218 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/03/2002.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

**Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 15/10/2013**

Bà:	Đỗ Thị Hiền	Chủ tịch
Ông:	Phan Thanh Sơn	Ủy viên
Ông :	Phan Tiến Dũng	Ủy viên
Ông:	Nguyễn Văn Hạnh	Ủy Viên
Bà :	Giang Thu Hương	Ủy Viên

**Từ ngày 15/10/2013 đến ngày 31/12/2013**

Ông:	Nguyễn Văn Tung	Chủ tịch
Bà:	Đỗ Thị Hiền	Ủy viên
Ông :	Phan Tiến Dũng	Ủy viên
Ông:	Nguyễn Văn Hạnh	Ủy Viên
Bà :	Giang Thu Hương	Ủy Viên

**Các thành viên Ban tổng giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm**

Bà :	Đỗ Thị Hiền	Tổng Giám đốc
Ông:	Phan Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Nguyễn Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm**

**Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 15/10/2013**

Bà	Cao Ngọc Lan	Trưởng ban
Bà	Đỗ Thị Lan Hương	Thành viên
Bà	Phạm Thị Thu Hằng	Thành viên

**Từ ngày 15/10/2013 đến ngày 31/12/2013**

Bà	Cao Ngọc Lan	Trưởng ban
Ông	Vũ Khắc Hùng	Thành viên
Bà	Phạm Thị Thu Hằng	Thành viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG  
MẠNG THÔNG TIN DI ĐỘNG**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ - P. Thành Công  
Q. Ba Đình - TP. Hà Nội

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị được UBCKNN chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 929/QĐ-UBCK ngày 30/12/2013.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**ĐỖ THỊ HIỀN**



Số: 148/BCKT/TC/NV5

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động, được lập ngày 20/02/2014, từ trang 08 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**NGÔ QUANG TIẾN**

**Phó Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0448-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2014

---

**TRẦN TRÍ DŨNG**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0895-2014-126-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị: đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>		<b>3</b>	<b>4</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>116.337.260.400</b>	<b>964.415.803.366</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.137.300.250</b>	<b>6.687.376.049</b>
1. Tiền	111	V.1	13.137.300.250	6.687.376.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>16.115.000.000</b>	<b>45.500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	16.115.000.000	45.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>61.057.024.110</b>	<b>620.216.812.624</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		53.490.796.694	588.773.579.638
2. Trả trước cho người bán	132		85.619.500	11.493.366.076
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	7.480.607.916	19.949.866.910
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.843.498.309</b>	<b>264.628.903.792</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	20.843.498.309	264.628.903.792
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.184.437.731</b>	<b>27.382.710.901</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.574.441.630	24.617.957.433
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	2.609.996.101	2.764.753.468
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>107.753.923.568</b>	<b>53.603.349.027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>102.355.729.198</b>	<b>43.990.225.472</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	97.409.297.807	39.043.794.081
- Nguyên giá	222		176.894.582.724	98.690.811.735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.485.284.917)	(59.647.017.654)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	4.946.431.391	4.946.431.391

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>		<b>3</b>	<b>4</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>2.505.890.518</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	-	3.736.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác			-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	(1.230.109.482)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.398.194.370</b>	<b>7.107.233.037</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	5.398.194.370	7.107.233.037
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>224.091.183.968</b>	<b>1.018.019.152.393</b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

Đơn vị: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2		3	4
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>156.772.558.814</b>	<b>952.957.588.199</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.960.203.766</b>	<b>948.031.914.246</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	-	4.045.429.632
2. Phải trả người bán	312		41.819.764.848	920.130.863.904
3. Người mua trả tiền trước	313		32.969.284.129	4.778.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.912.007.797	2.992.797.013
5. Phải trả người lao động	315		5.876.940.567	4.562.294.118
6. Chi phí phải trả	316	V.12	10.264.788.260	13.220.706.596
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	4.418.171.136	2.242.771.364
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		699.247.029	832.273.619
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>57.812.355.048</b>	<b>4.925.673.953</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	51.000.000	112.568.100
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	53.800.042.170	2.513.938.582
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.961.312.878	2.299.167.271
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>67.318.625.154</b>	<b>65.061.564.194</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>67.318.625.154</b>	<b>65.061.564.194</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		972.529.466	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.851.451.263	2.284.017.738
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.17	13.494.644.425	12.777.546.456
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>				
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 330 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>224.091.183.968</b>	<b>1.018.019.152.393</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại - USD			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Ông Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương



Đỗ Thị Hiền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
 Năm 2013

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	2		3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.18	1.692.176.011.433	3.029.580.283.631
2. Các khoản giảm trừ	2		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.19	1.692.176.011.433	3.029.580.283.631
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	1.666.152.410.905	3.018.902.161.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (12 = 10 - 11)	20		26.023.600.528	10.678.122.576
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	5.704.059.986	16.197.873.741
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	4.191.684.148	4.561.290.076
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.363.089.920	1.227.735.622
8. Chi phí bán hàng	24		4.194.913.553	783.130.878
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.116.016.776	6.420.927.704
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [ 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) ]	30		16.225.046.037	15.110.647.659
11. Thu nhập khác	31		150.732.317	36.641.337
12. Chi phí khác	32		12.420.317	71.200.800
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		138.312.000	(34.559.463)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.363.358.037	15.076.088.196
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	4.297.589.567	3.727.417.695
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.065.768.470	11.348.670.501
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	2.413	2.270

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương



Đỗ Thị Hiền



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2013

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	2		3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.380.392.297.689	3.084.623.222.264
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.296.515.265.950)	(3.111.334.192.952)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(37.420.344.164)	(24.743.824.725)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.295.358.696)	(1.212.934.190)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.472.669.801)	(3.446.488.164)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.078.245.007	10.694.432.640
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(48.105.869.279)	(33.196.784.059)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>			<b>(2.338.965.194)</b>	<b>(78.616.569.186)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(68.922.912.705)	(5.831.085.267)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(446.677.778.282)	(1.000.788.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		476.062.778.282	1.067.988.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(491.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.505.890.518	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.869.817.626	15.976.747.246
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>		<b>(31.162.204.561)</b>	<b>76.854.661.979</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		80.713.083.727	36.251.110.872
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(33.472.409.771)	(37.299.854.373)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.289.580.000)	(8.192.740.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>39.951.093.956</b>	<b>(9.241.483.501)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.449.924.201</b>	<b>(11.003.390.708)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>6.687.376.049</b>	<b>17.690.766.757</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>13.137.300.250</b>	<b>6.687.376.049</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Hiền

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021688 ngày 28 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng Việt Nam) chia thành 5.000.000 cổ phần.

Trụ sở văn phòng công ty: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P. Thành Công - Q. Ba Đình - TP. Hà Nội

Các chi nhánh của Công ty:

<b>STT</b>	<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Chi nhánh Mobitechs Cần Thơ - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động	49, Cách mạng tháng tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động tại Hải Phòng	Phòng 290 tầng 2 Tòa nhà thương mại Sholega – số 275 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
3	Chi nhánh Mobitechs Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động	Tầng 3 – Lô 6 đường số 1 KCN Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
4	Chi nhánh Mobitechs TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động	Lầu 6, Tòa nhà Scetpa, 19A Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
5	Chi nhánh Mobitechs Đồng Nai - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động	Phòng R308, Tòa nhà Trung tâm dịch vụ AMATA – Khu thương mại AMATA, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

#### **2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi. Chi tiết: Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động; Dịch vụ tối ưu hóa mạng viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông;
- Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá);

- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng cháy chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống báo cháy, phòng cháy chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Lắp đặt các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin; Dịch vụ lắp đặt, di chuyển, nâng cấp, đo kiểm, bảo dưỡng trạm BTS;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại. Chi tiết: Xuất nhập khẩu thiết bị viễn thông, tin học, các thiết bị văn phòng;
  - Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo, hướng nghiệp dạy nghề trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tin học, bưu chính viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
  - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, tin học, bưu chính viễn thông; Dịch vụ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực viễn thông;
  - Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất vật tư, máy móc thiết bị tin học;
  - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm phần mềm tin học;
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập, quản lý các dự án đầu tư các công trình bưu chính viễn thông, giao thông, dân dụng; Giám sát thi công xây dựng: loại công trình giao thông cầu, đường bộ; Lĩnh vực chuyên giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế công trình đường bộ;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Buôn bán các thiết bị văn phòng;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp các công trình điện đến 35KV; Xây dựng các công trình viễn thông, cột cao an ten;
  - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
  - Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hóa;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;
  - Hoạt động của trụ sở văn phòng;
  - Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
  - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
  - Đại lý du lịch;
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
  - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
  - Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
  - Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác. Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ thư ký;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.



## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty/Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào bằng tiền mặt của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền

### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 14 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ;



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch lớn với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận từ quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mua sắm tài sản cố định và phục vụ sản xuất kinh doanh;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước;

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh doanh thu bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Trong kỳ công ty không đầu tư vốn ra ngoài, góp vốn liên doanh... nên không có cổ tức, lợi nhuận được chia.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

#### **12. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### **Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: VNĐ

**1 . Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.013.578	439.125.261
Tiền gửi ngân hàng	13.129.286.672	6.248.250.788
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>13.137.300.250</u></b>	<b><u>6.687.376.049</u></b>

**2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	16.115.000.000	45.500.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	16.115.000.000	45.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>16.115.000.000</u></b>	<b><u>45.500.000.000</u></b>

**3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	7.480.607.916	19.949.866.910
- Doanh thu chưa thực hiện	7.251.877.335	19.388.371.809
+ <i>Doanh thu tính trước</i>	7.251.877.335	19.388.371.809
- Phải thu khác	228.730.581	561.495.101
+ <i>Tiền điện trạm BTS (Đã có HĐ)</i>	43.883.048	184.295.218
+ <i>Tiền điện trạm BTS (Tạm chi)</i>	60.112.502	61.148.501
+ <i>Tiền xăng dầu chạy máy phát</i>	87.043.291	94.743.931
+ <i>Phải thu CBCNV</i>	-	4.640.784
+ <i>Phải thu khác</i>	37.691.740	216.666.667
<b>Cộng</b>	<b><u>7.480.607.916</u></b>	<b><u>19.949.866.910</u></b>

**4 . Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.844.500	130.461.607
Hàng hóa	20.740.653.809	264.498.442.185
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>20.843.498.309</u></b>	<b><u>264.628.903.792</u></b>

**5 . Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	80.577.000	598.281.079
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.529.419.101	2.166.472.389
<b>Cộng</b>	<b><u>2.609.996.101</u></b>	<b><u>2.764.753.468</u></b>

**6 . Tăng, giảm tài sản cố định (Chi tiết theo phụ lục 01)**

**7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	4.946.431.391	4.946.431.391
<b>Trong đó:</b>		
+ <i>Mua sắm tài sản</i>	480.912.727	480.912.727
+ <i>Xây dựng dự án Datacenter Láng Hòa Lạc</i>	4.465.518.664	4.465.518.664
<b>Cộng</b>	<b><u>4.946.431.391</u></b>	<b><u>4.946.431.391</u></b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

**8 Đầu tư vào Công ty con**

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cổ phần MT2	-	1.320.000.000
+ Công ty Cổ phần MCA	-	1.100.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Khách hàng Hợp Tín	-	1.316.000.000
	-	<b>3.736.000.000</b>

**9 . Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	5.398.194.370	7.107.233.037
<b>Cộng</b>	<b>5.398.194.370</b>	<b>7.107.233.037</b>

**10 . Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ dài hạn đến hạn trả: Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	4.045.429.632
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.045.429.632</b>

**11 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.769.896.595	2.944.976.829
Thuế thu nhập cá nhân	142.111.202	47.820.184
<b>Cộng</b>	<b>2.912.007.797</b>	<b>2.992.797.013</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	67.731.224	-
Chi phí khác	10.197.057.036	13.220.706.596
<b>Cộng</b>	<b>10.264.788.260</b>	<b>13.220.706.596</b>

**13 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí Công đoàn	300.477.524	127.737.835
Bảo hiểm xã hội	27.988.970	91.862.913
Nhận ký cược ký, quỹ ngắn hạn	512.374.138	672.874.138
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.577.330.504	1.350.296.478
+ Tiền trả cổ tức các năm 2010, 2011, 2012	2.945.753.600	807.260.000
+ Phải trả khác	631.576.904	543.036.478
<b>Cộng</b>	<b>4.418.171.136</b>	<b>2.242.771.364</b>

**14 . Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	51.000.000	112.568.100
<b>Cộng</b>	<b>51.000.000</b>	<b>112.568.100</b>

**15 . Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay dài hạn	53.800.042.170	2.513.938.582
- Vay ngân hàng	53.800.042.170	2.513.938.582
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	32.250.250.495	2.513.938.582
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	21.549.791.675	-
<b>Cộng</b>	<b>53.800.042.170</b>	<b>2.513.938.582</b>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

**16 . Vốn chủ sở hữu****a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02)****b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Vốn góp của các thành viên sáng lập	22.400.000.000	22.400.000.000
Công ty Thông tin di động (VMS)	16.000.000.000	16.000.000.000
Công ty TNHH Thiên Việt (TVC)	3.200.000.000	3.200.000.000
Công ty Tài chính Bưu điện (FTP)	2.240.000.000	2.240.000.000
Công ty CP DV kỹ thuật viễn thông	960.000.000	960.000.000
Các cổ đông khác	27.600.000.000	27.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**c - Các quỹ của doanh nghiệp:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	972.529.466	-
Quỹ dự phòng tài chính	2.851.451.263	2.284.017.738
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.823.980.729</b>	<b>2.284.017.738</b>

**d - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2013	Năm 2012
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ <b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**e - Cổ phiếu**

	Năm 2013	Năm 2012
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

**17 Phân phối lợi nhuận**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Lợi nhuận chưa phân phối năm trước</b>	<b>12.777.546.456</b>	<b>12.729.763.879</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12.065.768.470</b>	<b>11.348.670.501</b>
Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế		
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(972.529.466)	
Trích Quỹ dự phòng tài chính	(567.433.525)	(818.274.728)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(226.973.410)	(900.673.269)
Trả cổ tức	(9.000.000.000)	(9.005.400.000)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	(312.000.000)	(288.000.000)
Chi khen thưởng		
Chi khác	(269.734.100)	(288.539.927)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>13.494.644.425</b>	<b>12.777.546.456</b>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: đồng

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
<b>18 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	1.470.081.747.462	2.862.444.595.221
+ <i>Doanh thu phân phối thẻ</i>	1.470.081.747.462	2.862.444.595.221
- Doanh thu cung cấp dịch vụ:	222.094.263.971	167.135.688.410
+ <i>Doanh thu CCDV thanh toán điện tử</i>	22.717.913.870	
+ <i>Doanh thu CCDV Hạ tầng Viễn thông</i>	40.265.614.089	30.526.755.344
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ GTGT (VAS)</i>	66.268.960.987	62.252.394.429
+ <i>Doanh thu CCDV chăm sóc khách hàng</i>	91.704.298.505	72.556.918.816
+ <i>Doanh thu thu hộ, trả hộ</i>	1.137.476.520	1.799.619.821
<b>Cộng</b>	<u><u>1.692.176.011.433</u></u>	<u><u>3.029.580.283.631</u></u>
	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
<b>19 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó		
- Doanh thu thuần bán hàng	1.470.081.747.462	2.862.444.595.221
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	222.094.263.971	167.135.688.410
+ <i>Doanh thu CCDV thanh toán điện tử</i>	22.717.913.870	
+ <i>Doanh thu CCDV Hạ tầng Viễn thông</i>	40.265.614.089	30.526.755.344
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ GTGT (VAS)</i>	66.268.960.987	62.252.394.429
+ <i>Doanh thu CCDV chăm sóc khách hàng</i>	91.704.298.505	72.556.918.816
+ <i>Doanh thu thu hộ, trả hộ</i>	1.137.476.520	1.799.619.821
<b>Cộng</b>	<u><u>1.692.176.011.433</u></u>	<u><u>3.029.580.283.631</u></u>
	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
<b>20 . Giá vốn hàng bán</b>		
Trong đó		
- Giá vốn hàng hóa	1.472.171.271.271	2.862.416.581.184
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	193.981.139.634	156.485.579.871
+ <i>Giá vốn CCDV thanh toán điện tử</i>	22.651.501.195	
+ <i>Giá vốn CCDV Hạ tầng Viễn thông</i>	33.214.815.868	28.623.379.023
+ <i>Giá vốn CCDV GTGT (VAS)</i>	55.367.173.471	56.962.730.851
+ <i>Giá vốn CCDV CSKH</i>	81.610.172.479	69.099.850.295
+ <i>Giá vốn thu hộ, trả hộ</i>	1.137.476.621	1.799.619.702
<b>Cộng</b>	<u><u>1.666.152.410.905</u></u>	<u><u>3.018.902.161.055</u></u>
	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
<b>21 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.690.842.699	15.903.013.913
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.217.287	4.459.828
<b>Cộng</b>	<u><u>5.704.059.986</u></u>	<u><u>16.197.873.741</u></u>
	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
<b>22 . Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	2.363.089.920	1.227.735.622
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	434.432.798	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.366.717	18.513.344
- Chi phí tài chính khác	1.356.794.713	3.315.041.110
<b>Cộng</b>	<u><u>4.191.684.148</u></u>	<u><u>4.561.290.076</u></u>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

	Năm 2013	Năm 2012
<b>23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.363.358.037</b>	<b>15.076.088.196</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	366.721.637	(166.417.417)
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	366.721.637	(166.417.417)
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>16.730.079.674</b>	<b>14.909.670.779</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (25%)	4.182.519.919	3.727.417.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo biên bản	115.069.648	
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.297.589.567</b>	<b>3.727.417.695</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm 2013	Năm 2012
<b>24 . Lãi Cơ bản trên cổ phiếu</b>		
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12.065.768.470</b>	<b>11.348.670.501</b>
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>12.065.768.470</b>	<b>11.348.670.501</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ (*)		
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ		
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.413</b>	<b>2.270</b>

**VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan. Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VNĐ)
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP MT2	Công ty con	Mua tài sản công ty con	56.199.563
Công ty CP MCA	Công ty con	Mua tài sản công ty con	72.600.000
Cty CPDVKH Hợp Tín	Công ty con	Mua tài sản công ty con	120.000.000

**2 . Kết quả kinh doanh giữa 2 năm tài chính**

Lợi nhuận trước thuế	Năm nay	Năm trước	So sánh số năm nay và năm trước	
			Số tuyệt đối	Số tương đối
<b>1.Hoạt động chính</b>	14.712.670.199	3.474.063.994	11.238.606.205	324
<b>2.Hoạt động tài chính</b>	1.512.375.838	11.636.583.665	(10.124.207.827)	(87)
<b>3.Hoạt động khác</b>	138.312.000	(34.559.463)	172.871.463	(500)
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.363.358.037</b>	<b>15.076.088.196</b>	<b>1.287.269.841</b>	<b>9</b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

**3 . Công cụ tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	12/31/2013 đồng	1/1/2013 đồng	12/31/2013 đồng	1/1/2013 đồng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.137.300.250	6.687.376.049	13.137.300.250	6.687.376.049
Các khoản phải thu	60.971.404.610	608.723.446.548	60.971.404.610	608.723.446.548
Các khoản đầu tư tài chính	16.115.000.000	49.236.000.000	16.115.000.000	48.005.890.518
Ngắn hạn	16.115.000.000	45.500.000.000	16.115.000.000	45.500.000.000
Dài hạn	-	3.736.000.000	-	2.505.890.518
<b>Cộng</b>	<b>90.223.704.860</b>	<b>664.646.822.597</b>	<b>90.223.704.860</b>	<b>663.416.713.115</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản phải trả	46.237.935.984	922.373.635.268	46.237.935.984	922.373.635.268
Chi phí phải trả	10.264.788.260	13.220.706.596	10.264.788.260	13.220.706.596
Các khoản vay	53.800.042.170	6.559.368.214	53.800.042.170	6.559.368.214
<b>Cộng</b>	<b>110.302.766.414</b>	<b>942.153.710.078</b>	<b>110.302.766.414</b>	<b>942.153.710.078</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4 . Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa biết khấu hao theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	-	53.800.042.170	53.800.042.170
Phải trả người bán	41.625.791.282	193.973.566	41.819.764.848
Chi phí phải trả	10.264.788.260		10.264.788.260
Phải trả khác	4.418.171.136	51.000.000	4.469.171.136

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động**

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	4.045.429.632	2.513.938.582	6.559.368.214
Phải trả người bán	920.130.863.904		920.130.863.904
Chi phí phải trả	13.220.706.596		13.220.706.596
Phải trả khác	2.242.771.364	112.568.100	2.355.339.464

4 . Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Phòng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương



Đỗ Thị Hiền

4-C  
Y  
TƯ H  
N VÀ  
I GI  
M  
TP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động  
Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

**PHỤ LỤC 01: TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	49.249.667.457	42.548.967.846	1.124.796.364	5.767.380.068		98.690.811.735
Mua trong năm		79.659.897.250		194.095.000		79.853.992.250
Đầu tư XDCB hoàn thành						-
Tặng khác						-
Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
Thanh lý, nhượng bán		593.765.874				-
Giảm khác				1.056.455.387		1.650.221.261
Số dư cuối năm	49.249.667.457	121.615.099.222	1.124.796.364	4.905.019.681	-	176.894.582.724
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	27.919.838.229	27.523.429.420	219.214.349	3.984.535.656		59.647.017.654
Khấu hao trong năm	7.035.666.768	12.883.174.194	187.466.064	946.694.884		21.053.001.910
Tặng khác						-
Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Giảm khác		311.653.916				-
Số dư cuối năm	34.955.504.997	40.094.949.698	406.680.413	903.080.731	-	1.214.734.647
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>						
Tại ngày đầu năm	21.329.829.228	15.025.538.426	905.582.015	1.782.844.412	-	39.043.794.081
Tại ngày cuối năm	14.294.162.460	81.520.149.524	718.115.951	876.869.872	-	97.409.297.807

Giá trị tài sản cố định còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng  
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.787.838.919 đồng



Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động  
 Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà Harec, số 4A Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

**PHỤ LỤC 02: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

CHỈ TIÊU	Đơn vị: đồng						
	Vốn đầu tư của hủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	-	2.284.017.738	-	-	12.777.546.456	65.061.564.194
Tăng trong kỳ	-	-	567.433.525	972.529.466	-	12.065.768.470	13.605.731.461
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay							
Tăng do trích lập các quỹ			567.433.525	972.529.466		12.065.768.470	12.065.768.470
Tăng khác							1.539.962.991
Giảm trong kỳ							
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Phân phối lợi nhuận trong kỳ							
Phân phối quỹ							
Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	-	2.851.451.263	972.529.466	-	13.494.644.425	67.318.625.154